TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số:19/2022/DS-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kiên Toàn

Ông Nguyễn Trung Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Việt Nam Thịnh Vượng

Địa chỉ: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2020).

- Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến Th- chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Bị đơn:

1. Anh Đỗ Cao H, sinh năm 1979, vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1950, vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Th trình bày:

Ngày 25/10/2019 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã ký hợp đồng tín dụng số LN1910171780939 với vợ chồng anh Đỗ Cao H và chị Nguyễn Thị H. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng anh H, chị H vay số tiền 132.000.000đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), mục đích sử dụng tiền: vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là là 11,5%/năm, trong vòng 06 tháng, sau khoảng thời gian này lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/4/2020; ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/7/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức : lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được bên ngân hàng công bố cộng biên độ 4,5%/năm; lãi suất quá hạn tối đa bằng: 150% so với lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương thức trả nợ gốc và lãi: các kỳ trả nợ gốc và lãi bên vay phải phải trả cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/11/2019; số tiền gốc phải trả hàng tháng là: 2.200.000đồng, lãi tính trên số dư nợ gốc.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: LN1910171780939 ngày 24/10/2019 và được công chứng số: 5107/2019/HĐTC, quyển số: 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2019. Theo đó, ông Đỗ Xuân T là bố đẻ anh H đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 277.9m^2 (200m^2 đất ở và 77.9m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 20 thuộc thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CR941632 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 13/8/2019 cho ông Đỗ Xuân T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú, tỉnh V và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh V, chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho anh H, chị H vay số tiền như đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 15/3/2020. Khoản vay của anh H, chị H đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/6/2020. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc nhiều lần nhưng anh H, chị H đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ lãi và trả gốc theo cam kết với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh H, chị H đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2022 được tổng số tiền là: 24.060.087đồng, trong đó nợ gốc là: 15.457.365đồng, tiền lãi là: 8.602.722đồng. Nay ngân hàng yêu vợ chồng anh H, chị H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn theo quy định trong hợp đồng tín dụng nêu trên cụ thể: Tiền nợ gốc: 116.542.635đồng; Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/8/2022 là: 49.575.647đồng, lãi chậm trả là: 6.005.413đồng. Anh H, chị H tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 27/8/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Trong trường hợp vợ chồng anh H, chị H không trả hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 277.9m^2 (200m^2 đất ở và 677.9m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 20 thuộc thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CR941632 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 13/8/2019 cho ông Đỗ Xuân T. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ của anh H, chị H với Ngân hàng thì anh H, chị H phải tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Đỗ Cao H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2021 anh H trình bày: Anh xác nhận vợ chồng anh có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 132.000.000đồng; mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay là 11,5%/năm, thanh toán định kỳ gốc và lãi 01 tháng một lần. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là thửa đất số 787, tờ bản đồ số 10, tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V đứng tên ông Đỗ Xuân T là bố đẻ anh. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng anh đủ số tiền trên. Sau đó, vợ chồng anh có trả gốc và lãi cho ngân hàng tổng số tiền: 26.060.087đồng (trong đó nợ gốc là: 15.457.365đồng và lãi là 8.602.722đồng). Tuy nhiên, đến ngày 15/6/2020, do kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn nên không thể thanh toán cho ngân hàng theo đúng hợp đồng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải thanh toán cho ngân hàng hết số tiền gốc là 116.542.635đồng và số tiền lãi, lãi chậm trả, anh đồng ý trả. Nhưng do hiện kinh tế vợ chồng anh gặp khó khăn nên anh xin khất nợ.

Đồng bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị đều vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Xuân T vắng mặt tại tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, ông Tục trinh bày: Ông là bố đẻ của anh Đỗ Cao H. Thửa đất số 787, tờ bản đồ số 20 tại thôn Đ, xã T là do ông nhận thừa kế từ bố đẻ ông và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019. Việc anh H, chị H vay mượn ngân hàng như thế nào ông không biết và anh chị cũng không báo gì cho ông. Ông xác định ông chưa từng ký bất kỳ giấy tờ gì với ngân hàng, nên việc anh H, chị H vay mượn với ngân hàng bao nhiêu ông không biết. Ông xác định hai chữ "T" và "Đỗ Xuân T" và dấu vân tay trong hợp đồng thế chấp ngày 24/10/2019 và đơn yêu cầu thế chấp ngày 24/10/2019 không phải chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông. Nay ông xác định ngôi nhà và đất anh H, chị H đem thế chấp tại ngân hàng là tài sản của ông, ông không đồng ý cho anh H, chị H thế chấp nên ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản ông không đồng ý. Nhưng ông T không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết cùng dấu vân tay trong hợp đồng thế chấp và đơn yêu cầu thế chấp.

Bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2021, bà Y trình bày: Bà là mẹ kế của anh H. Việc anh H, chị H vay mượn ngân hàng như thế nào bà không nắm được, cũng không biết anh H, chị H thế chấp nhà, đất vợ chồng bà đang ở, bà không được ký bất kỳ giấy tờ gì. Nay anh H, chị H bị ngân hàng khởi kiện và yêu cầu phát mại tài sản là nhà và đất của vợ chồng bà, bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Do vợ chồng anh H, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, buộc anh H, chị H phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/8/2022 là: Tiền nợ gốc: 116.542.635đồng; Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/8/2022 là: 49.575.647đồng, lãi chậm trả là: 6.005.413đồng và tiếp tục trả lãi từ ngày 27/8/2022 đến khi thanh toán xong. Trong trường hợp anh H, chị H không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1].Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị

Nguyễn Thị H, đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V phải trả lại Ngân hàng số nợ gốc đã vay và toàn bộ số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng tín dụng" và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa các đồng bị đơn là anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân T vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh H, chị H, ông T, bà Y.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về nội dung hợp đồng tín dụng:

Theo nội dung hợp đồng tín dụng số LN1910171780939 ngày 25/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H. Theo đó, vợ chồng anh H, chị Hằng đã vay của Ngân hàng số tiền 132.000.000đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay và giải ngân theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh H, chị H đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không trả được nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn kể từ ngày 15/6/2020 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở vợ chồng anh H trả nợ nhưng vợ anh H vẫn không trả. Kể từ khi vay vốn cho đến nay vợ chồng anh H mới trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2022) là: 26.060.087đồng (trong đó nợ gốc là: 15.457.365đồng và lãi là 8.602.722đồng). Anh H là bị đơn cũng thừa nhận việc vay nợ này. Như vậy, việc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị H cùng phải có trách nhiệm cho cho ngân hàng số nợ gốc và số lãi tính đến ngày 26/8/2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận.

Cần buộc vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/8/2022 là: Tiền nợ gốc: 116.542.635đồng; Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/8/2022 là: 49.575.647đồng, lãi chậm trả là: 6.005.413đồng. Kể từ ngày 27/8/2022, anh H, chị H tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn trên nợ gốc như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay đối với Ngân hàng, ông Đỗ Xuân T là bố đẻ anh H đã dùng tài sản của mình được thừa kế riêng để thế chấp cho khoản vay của anh Hùng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không thừa nhận việc ông ký kết vào hợp đồng thế chấp để dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thế chấp cho khoản vay của anh H. Tuy nhiên, qua xác minh tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú xác định Văn phòng công chứng đã làm thủ tục công chứng cho ông Đỗ Xuân T và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đúng trình tự, quy định của pháp luật, ông T là người trực tiếp đến Văn phòng và đem theo hợp đồng cùng giấy tờ cần thiết để làm thủ tục công chứng. Các tài liệu đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh L cung cấp trong đơn đăng ký thế chấp cũng có chữ ký của ông T. Ngoài ra, ông T không thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của mình nhưng ông lại không đề nghị giám định, như vậy thể hiện không chứng minh được đó không phải là chữ ký chữ viết của ông. Vì vậy, cần xác định hợp đồng thế chấp tài sản LN1910171780939 ngày 24/10/2019 được xác định là hợp pháp. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất của ông T là 277.9m^2 (200m^2 đất ở và 77.9m^2 đất trồng cây lâu năm). Trên đất còn có các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 05 gian diện tích 70m^2; sân gạch diện tích 80m^2; 01 công trình phụ diện tích 41,9m^2 và một số cây cối lâm lộc trên đất. Tại phiên tòa đại diện ngân hàng yêu cầu các tài sản khác trên đất đều được coi là tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: " *Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Qua xem xét hợp đồng thế chấp hai bên không thỏa thuận khác. Theo đại diện ngân hàng và lời khai của ông Tục cũng như các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì tất cả những tài sản trên đất của thửa đất số 787, tờ bản đồ số 20, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CR941632 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 13/8/2019 cho ông Đỗ Xuân T là của ông Đỗ Xuân T. Vì vậy, những tài sản trên đất không nêu trong hợp đồng thế chấp gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 05 gian diện tích 70m^2; sân gạch diện tích 80m^2; 01 công trình phụ diện tích 41,9m^2 và một số cây cối lâm lộc trên đất đều được xử lý cùng tài sản thế chấp. Hiện tại, ông T đang quản lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên. Do đó, trường hợp

vợ chồng anh H, chị H không trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh H, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H.

Buộc vợ chồng anh Đỗ Cao H, chị Nguyễn Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/8/2022/2022 là: 172.123.694. (Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 116.542.635đồng; Tiền nợ lãi quá hạn là: 49.575.647đồng, lãi chậm trả là: 6.005.413đồng. Kể từ ngày 27/8/2022, anh H, chị H tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: LN1910171780939 ngày 25/10/2019 đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh H, chị H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là là quyền sử dụng đất 277.9m^2 (200m^2 đất ở và 77.9m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 20 thuộc thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CR941632 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 13/8/2019 cho ông Đỗ Xuân T và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 05 gian diện tích 62m^2; sân gạch diện tích 43,9m^2; 01 công trình phụ diện tích 58,2m^2 và một số cây cối lâm lộc trên đất tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh H, chị H phải tiếp tục thực hiện việc thanh toán khoản còn thiếu cho đến khi thanh toán đủ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm vượt quá phần nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng phải thanh toán trả lại ông T phần vượt quá nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: anh H, chị H phải chịu 8.606.000đồng (Tám triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí là 3.740.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006086 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Trung Thành **Đặng Thị Liễu** **Ngô Thị Minh Hiệp**